

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **28/2019/HNGĐ-PT**

Ngày 19-12-2019

V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Trọng Danh

Bà Thái Thị Phi Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/HNGĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 74/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019; quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 23/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số: 123/TB-TA ngày 22 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Thăng Th, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Nguyễn Duyên T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ Q, thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (có đơn xét xử vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Hồ Thăng Th, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Hồ Thăng Th trình bày:**

Tôi và bà Phạm Nguyễn Duyên T kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận S, TP Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ tôi. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tích cách của chúng tôi không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, sự việc tổ dân phố đều biết. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Hồ Phạm Bảo N, sinh ngày 13/11/2013. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn bà Phạm Nguyễn Duyên T trình bày:**

Về thời gian và điều kiện kết hôn, tôi thống nhất như ông Th trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau về tiền bạc, nên từ đó xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, làm cho mâu thuẫn càng thêm trầm trọng, nên tôi bỏ đi nơi khác sống từ năm 2017. Vì con nên tôi nhiều lần bỏ đi rồi lại quay lại. Nay tôi xác định tình cảm không còn yêu thương ông Th nữa, nguyện vọng tôi xin được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà T xác định có 01 con chung tên Hồ Phạm Bảo N, sinh ngày 13/11/2013. Ly hôn, tôi có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Với nội dung trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thăng Th đối với bà Phạm Nguyễn Duyên T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Thăng Th với bà Phạm Nguyễn Duyên T.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Phạm Bảo N, sinh ngày 13/11/2013 cho bà Phạm

Nguyễn Duyên T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông Th cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 8 năm 2019, ông Hồ Thăng Th nộp đơn kháng cáo về phần con chung. Ông Hồ Thăng Th yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hồ Thăng Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thăng Th và ý kiến của bà T, sửa bản án sơ thẩm về con chung, giao con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con, do ông Th không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Nguyễn Duyên T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Hồ Thăng Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Phạm Bảo N, sinh ngày 13/11/2013 thì thấy:

Hiện nay, ông Th đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Phạm Bảo N. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của ông Th là hoàn toàn chính đáng, thể hiện trách nhiệm đối với con chung. Mặt khác, tại đơn trình bày ngày 11/12/2019, bà T đồng ý giao con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cấp phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông Th và ý kiến của bà T, sửa án sơ thẩm về con chung, giao con chung Hồ Phạm Bảo N cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung do ông Th không có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của ông Th, nên ông Th không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Th.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thăng Th, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 74/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về con chung.

Xử:

1. Về con chung: Giao con chung Hồ Phạm Bảo N, sinh ngày 13/11/2013 cho ông Hồ Thăng Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phạm Nguyễn Duyên T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Hồ Thăng Th phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009589 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung, ông Hồ Thăng Th không phải chịu.

4. Án phí dân sự phúc thẩm, ông Hồ Thăng Th không phải chịu. Hoàn lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng cho ông Th đã nộp theo biên lai số 0009694 ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Đà Nẵng;
- UBND phường H, quận S, TP. Đà Nẵng;
- TAND quận S, TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THA Dân sự quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Đỗ Thị Thúy Năng

